TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH-QUẢN TRỊ KINH DOANH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC

Số: 06 /QĐ-HĐCĐRNNTH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 11 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra Tin học cho sinh viên Đại học chính quy K3, K4, K5, K6,K7,K8, LTK8, LTK9 - Đợt 2 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18 tháng 09 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh;

Căn cứ vào quyết định số 212 /QĐ-ĐHTCQTKD ngày 14/05/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 21/02/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy định Tổ chức thi Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra tin học đối với sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ vào biên bản họp hội đồng xét công nhận Chuẩn đầu ra Tin học, Ngoại ngữ ngày 03 tháng 11 năm 2022;

Xét đề nghị của thường trực Hội đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. a) Công nhận chuẩn đầu ra Tin học cho **76** sinh viên Đại học chính quy có tên trong danh sách kèm theo *(Phụ lục I)*.

b) Công nhận chuẩn đầu ra Ngoại ngữ cho **69** sinh viên Đại học chính quy có tên trong danh sách kèm theo *(Phụ lục II)*.

Điều 2. Quyền lợi và trách nhiệm của những sinh viên có tên trên được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, Cố vấn học tập và sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BGH, CTHĐT;
- Lưu: VT; QLĐT.

Phụ lục I

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC - ĐỢT 2 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐCĐRNNTH ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuẩn đầu ra tin học đợt 2 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC	Điều kiện	Ghi chú
1	0810211106	Đào Thu	An	01/12/2002	KD8D	**7.5**	**Đạt**	
2	0810310880	Bùi Tuấn	Anh	07/01/2002	QT8B	**7.5**	**Đạt**	
3	0810810817	Đặng Thị Ngọc	Anh	21/12/2001	TM8A	**7.5**	**Đạt**	
4	0810211113	Lê Thị Nguyệt	Anh	20/06/2002	KD8C	**8.5**	**Đạt**	
5	0610210916	Nguyễn Diệu	Anh	18-09-2000	KD6G	**6.5**	**Đạt**	
6	0810811727	Nguyễn Thị Kim	Anh	27/07/2002	TM8A	**6.5**	**Đạt**	
7	0810811041	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/10/2002	TM8A	**8.0**	**Đạt**	
8	0810311087	Nguyễn Thị Minh	Anh	21/12/2002	QT8B	**9.0**	**Đạt**	
9	0810210836	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/08/2002	KD8E	**8.0**	**Đạt**	
10	0810111088	Vũ Thị Phương	Anh	26/06/2000	TC8A	**8.5**	**Đạt**	
11	0810111075	Đoàn Thị	Ánh	11/06/2002	TC8A	**8.0**	**Đạt**	
12	0810111605	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	11/02/2001	TC8A	**7.5**	**Đạt**	
13	0810310038	Đào Văn	Chiến	08/12/2002	QT8B	**8.0**	**Đạt**	
14	0810110873	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	08/12/2002	TC8A	**8.0**	**Đạt**	
15	0810121611	Đồng Đức	Dũng	21/08/2002	NH8A	**7.0**	**Đạt**	
16	0710210042	Nguyễn Thùy	Dương	07/04/2001	KD7E	**8.0**	**Đạt**	
17	0410210099	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	14-05-1998	KD4D	**7.5**	**Đạt**	
18	0810211027	Lương Thị Hương	Giang	16/12/2002	KD8C	**9.5**	**Đạt**	
19	0810720257	Hoàng Thị Thu	Hà	27/05/2002	KL8A	**7.0**	**Đạt**	
20	0810111079	Triệu Thị Thúy	Hà	15/08/2002	TC8A	**8.0**	**Đạt**	
21	0810211142	Trương Thu	Hà	26/07/2002	KD8E	**6.5**	**Đạt**	
22	0810110900	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	21/02/2002	TC8A	**7.0**	**Đạt**	
23	0810310310	Phạm Thị Hồng	Hạnh	07/01/2002	QT8B	**7.5**	**Đạt**	
24	0810811720	Cao Thị	Hiếu	02/01/2002	TM8A	**8.5**	**Đạt**	
25	0710210712	Nguyễn Thị	Hoài	21/09/2001	KD7C	**7.5**	**Đạt**	
26	0810310323	Đặng Văn	Hoàng	01/07/2002	QT8B	**7.5**	**Đạt**	
27	0810811711	Nguyễn Thị	Huệ	01/08/2002	TM8A	**7.5**	**Đạt**	
28	0810811716	Trịnh Thanh	Hương	22/03/2002	TM8A	**6.5**	**Đạt**	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC	Điều kiện	Ghi chú
29	0810111055	Đào Đức	Huy	28/07/2002	TC8A	**8.0**	**Đạt**	
30	0710210229	Trương Thị Khánh	Huyền	07/09/2001	KD7C	**6.0**	**Đạt**	
31	0710211626	Nguyễn Hoàng	Lan	22/08/2001	KD7C	**7.0**	**Đạt**	
32	0710310668	Đinh Thị Diệu	Linh	23/08/2001	QT7B	**7.5**	**Đạt**	
33	0810811739	Đỗ Khánh	Linh	28/09/2002	TM8A	**6.5**	**Đạt**	
34	0810110558	Đỗ Thùy	Linh	22/11/2002	TC8A	**7.0**	**Đạt**	
35	0810720262	Vũ Thị Mai	Linh	05/06/2002	KL8A	**7.5**	**Đạt**	
36	0710310237	Tạ Thị Kiều	Loan	28/09/2001	QT7B	**5.5**	**Đạt**	
37	0810310347	Đào Thảo	Ly	28/07/2002	QT8B	**9.0**	**Đạt**	
38	0810210206	Trần Thị	Mai	24/04/2002	KD8D	**7.0**	**Đạt**	
39	0810811738	Bùi Đức	Mạnh	28/07/2002	TM8A	**6.5**	**Đạt**	
40	0710311211	Bùi Quang	Mạnh	20/04/2001	QT7B	**8.5**	**Đạt**	
41	0810611022	Vũ Thị	Minh	19/12/2002	KA8A	**8.0**	**Đạt**	
42	0510211186	Nhâm Thị Nguyệt	Nga	22/07/1998	KD7C	**7.0**	**Đạt**	
43	0810811712	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	25/03/2002	TM8A	**8.0**	**Đạt**	
44	0810310971	Hoàng Bích	Ngọc	21/04/2002	QT8B	**8.0**	**Đạt**	
45	0710210101	Hoàng Thị	Ngọc	14/11/1999	KD7C	**8.5**	**Đạt**	
46	0810811028	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	26/07/2001	TM8A	**7.5**	**Đạt**	
47	0810111060	Vũ Thị Hồng	Ngọc	01/01/2002	TC8A	**5.5**	**Đạt**	
48	0810210117	Vũ Thảo	Nguyên	09/12/2002	KD8E	**7.5**	**Đạt**	
49	0810121094	Đỗ Thị Yến	Nhi	05/07/2002	NH8A	**6.0**	**Đạt**	
50	0710210105	Trịnh Thị Hà	Nhi	24/09/2001	KD7C	**7.5**	**Đạt**	
51	0810211762	Đỗ Thị	Nhung	02/06/2001	KD8E	**7.0**	**Đạt**	
52	0810310717	Nguyễn Thị Yến	Ninh	14/01/2002	QT8B	**8.0**	**Đạt**	
53	0710310245	Nguyễn Lan	Phương	24/12/2001	QT7B	**6.0**	**Đạt**	
54	0810111663	Nguyễn Thu	Phương	02/09/2002	TC8A	**6.5**	**Đạt**	
55	0710210617	Trần Thị Hoài	Phương	02/11/2001	KD7C	**6.0**	**Đạt**	
56	0710210125	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/06/2001	KD7C	**9.5**	**Đạt**	
57	0710110319	Trần Văn	Sĩ	13/03/2001	TC7A	**7.5**	**Đạt**	
58	0710210754	Đặng Thị Phương	Thảo	02/10/2001	KD7B	**8.0**	**Đạt**	
59	0710610942	Đào Phương	Thảo	05/08/2001	KA7A	**7.5**	**Đạt**	
60	0810720814	Lê Phương	Thảo	21/06/2002	KL8A	**7.5**	**Đạt**	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC	Điều kiện	Ghi chú
61	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	**7.0**	**Đạt**	
62	0810210148	Lê Thị	Thu	10/03/2002	KD8D	**7.0**	**Đạt**	
63	0810210807	Trần Thị	Thu	20/02/2002	KD8D	**8.0**	**Đạt**	
64	0310110097	Đỗ Nguyễn Anh	Thư	24-12-1997	TC3A	**6.5**	**Đạt**	
65	0810811025	Nguyễn Thị	Thư	02/10/2002	TM8A	**10.0**	**Đạt**	
66	0710310664	Nguyễn Văn	Thương	26/12/2001	QT7B	**8.0**	**Đạt**	
67	0810210153	Quách Thị	Thuy	21/09/2002	KD8D	**8.0**	**Đạt**	
68	0810210608	Lều Thị Thu	Thuỷ	09/04/2002	KD8E	**8.0**	**Đạt**	
69	0710210900	Đặng Thùy	Trang	25/09/2001	KD7D	**6.5**	**Đạt**	
70	0810210995	Trần Thị	Trang	17/09/2002	KD8C	**9.5**	**Đạt**	
71	0810810249	Trịnh Thanh	Trang	27/09/2002	TM8A	**8.0**	**Đạt**	
72	0810111051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	07/05/2002	TC8A	**8.0**	**Đạt**	
73	0810211246	Nguyễn Thị Hồng	Vân	21/01/2002	KD8C	**9.5**	**Đạt**	
74	0810111062	Vũ Thị Thảo	Vân	16/02/2002	TC8A	**9.5**	**Đạt**	
75	0310120114	Hoàng Cao	Viên	27-11-1997	NH3A	**9.0**	**Đạt**	
76	0810310273	Hoàng Minh	Vượng	14/04/2000	QT8B	**8.5**	**Đạt**	

Phụ lục II

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐCĐRNNTH ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuẩn đầu ra tin học đợt 2 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC	Điều kiện	Ghi chú
1	0810810817	Đặng Thị Ngọc	Anh	21/12/2001	TM8A	5.0	Đạt	
2	0810210012	Đào Tuấn	Anh	27/01/2002	QT8A	5.5	Đạt	
3	0810311719	Lê Việt	Anh	11/03/2000	QT8A	6.0	Đạt	
4	0610330458	Nguyễn Minh Ngọc	Anh	04-08-2000	QM6A	4.5	Đạt	
5	0410210027	Nguyễn Thị Mai	Anh	21-06-1998	KD4E	4.0	Đạt	
6	0710120691	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/01/2001	NH7A	4.0	Đạt	
7	0810111075	Đoàn Thị	Ánh	11/06/2002	TC8A	8.0	Đạt	
8	0810310867	Đào Xuân	Bách	07/06/2002	QT8A	6.0	Đạt	
9	0510111194	Bế Hữu	Bình	06-09-1998	TC5A	7.0	Đạt	
10	0810111605	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	11/02/2001	TC8A	7.0	Đạt	
11	0310610965	Nguyễn Thành	Công	12-08-1997	KA3A	6.0	Đạt	
12	0610711238	Nguyễn Duy	Đạt	17-09-2000	QL6A	5.0	Đạt	
13	0810121611	Đồng Đức	Dũng	21/08/2002	NH8A	4.5	Đạt	
14	0710210623	Lê Văn	Dũng	17/06/2001	KD7C	5.0	Đạt	
15	0710210042	Nguyễn Thùy	Dương	07/04/2001	KD7E	8.0	Đạt	
16	0810111079	Triệu Thị Thúy	Hà	15/08/2002	TC8A	5.5	Đạt	
17	0650210002	Đào Thị	Hân	30/08/1992	VB2.K6	5.5	Đạt	
18	0810110900	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	21/02/2002	TC8A	6.0	Đạt	
19	0650210003	Lương Khắc	Hảo	08/11/1980	VB2.K6	6.5	Đạt	
20	0810310317	Nguyễn Trung	Hiếu	24/10/2002	QT8A	5.0	Đạt	
21	0510211148	Nguyễn Văn	Hướng	30-12-1999	KD5A	4.5	Đạt	
22	0810111629	Ngô Thị Thu	Hường	24/04/2002	TC8A	7.5	Đạt	
23	0650210004	Đào Thị Lê	Huyền	06/10/1983	VB2.K6	4.5	Đạt	
24	0810211165	Trần Thị Khánh	Huyền	21/10/2002	KD8D	6.5	Đạt	
25	0710210229	Trương Thị Khánh	Huyền	07/09/2001	KD7C	8.0	Đạt	
26	0710211626	Nguyễn Hoàng	Lan	22/08/2001	KD7C	5.0	Đạt	
27	0810210904	Đỗ Thị Bích	Liên	27/02/2002	KD8D	5.5	Đạt	
28	0810311443	Nguyễn Phương	Linh	21/05/2002	QT8A	6.0	Đạt	
29	0310220449	Hoàng Thị Hương	Ly	05-11-1997	KC3A	6.0	Đạt	
30	0810210204	Lê Thị Cẩm	Ly	08/06/2002	KD8H	4.5	Đạt	
31	0810210206	Trần Thị	Mai	24/04/2002	KD8D	5.0	Đạt	
32	0810210811	Trần Thị Ngọc	Mai	22/01/2001	KD8C	5.5	Đạt	
33	0810211044	Trịnh Thị	Mai	14/06/2002	KD8D	5.5	Đạt	

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBC	Điều kiện	Ghi chú
34	0710310669	Đỗ Kim	Minh	13/11/2001	QT7A	4.5	Đạt	
35	0810310357	Nguyễn Minh	Ngọc	26/11/2002	QT8A	4.5	Đạt	
36	0810111060	Vũ Thị Hồng	Ngọc	01/01/2002	TC8A	5.0	Đạt	
37	0810111080	Lê Hồng Minh	Nguyên	10/11/2002	TC8A	6.0	Đạt	
38	0810210117	Vũ Thảo	Nguyên	09/12/2002	KD8E	5.0	Đạt	
39	0810210805	Nguyễn Thị	Nguyệt	07/04/2002	KD8G	5.5	Đạt	
40	0810121094	Đỗ Thị Yến	Nhi	05/07/2002	NH8A	6.0	Đạt	
41	0710310245	Nguyễn Lan	Phương	24/12/2001	QT7B	4.5	Đạt	
42	0810311741	Trần Thị	Phượng	24/06/2002	QT8A	4.5	Đạt	
43	0810110542	Nguyễn Minh	Quang	16/04/2002	TC8A	6.0	Đạt	
44	0710210616	Lê Diễm	Quỳnh	18/01/2001	KD7G	5.0	Đạt	
45	0810310726	Trần Thúy	Quỳnh	19/12/2002	QT8A	5.0	Đạt	
46	0810211048	Lê Thị	Sim	18/07/2002	KD8C	6.5	Đạt	
47	0810111514	Nguyễn Ngọc	Sơn	15/11/2002	TC8A	6.0	Đạt	
48	0810210943	Hoàng Thị	Tâm	22/10/2002	KD8D	5.0	Đạt	
49	0710211617	Ngô Thị Hồng	Thắm	07/06/2001	KD7G	6.5	Đạt	
50	0810210829	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	03/09/2002	KD8C	5.0	Đạt	
51	0810120215	Nguyễn Thị	Thản	31/03/2002	NH8A	4.5	Đạt	
52	0710310258	Lê Xuân	Thắng	20/11/2000	QT7A	5.5	Đạt	
53	0810720814	Lê Phương	Thảo	21/06/2002	KL8A	6.0	Đạt	
54	0310110097	Đỗ Nguyễn Anh	Thư	24-12-1997	TC3A	4.5	Đạt	
55	0810210804	Đỗ Thị Hoài	Thư	01/11/2002	KD8E	5.0	Đạt	
56	0610210840	Trần Thị Thanh	Thư	27-01-2000	KD6H	6.5	Đạt	
57	0610211147	Trần Thị	Thương	10-11-2000	KD6C	6.5	Đạt	
58	0810210153	Quách Thị	Thuy	21/09/2002	KD8D	5.5	Đạt	
59	0810211744	Hoàng Phương	Thùy	12/06/2002	KD8C	4.0	Đạt	
60	0810310871	Đỗ Thị	Thủy	04/05/2002	QT8A	5.0	Đạt	
61	0810310390	Phạm Ngọc	Tỉnh	02/09/2002	QT8A	5.0	Đạt	
62	0650210007	Trần Văn	Tỉnh	30/12/1982	VB2.K6	5.0	Đạt	
63	0810310395	Đỗ Thu	Trang	23/11/2002	QT8A	5.0	Đạt	
64	0510210023	Trần Thu	Trang	26-12-1999	KD5E	5.0	Đạt	
65	0810310878	Nguyễn Văn	Triều	30/09/2002	QT8A	5.0	Đạt	
66	0810111051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	07/05/2002	TC8A	4.0	Đạt	
67	0310120114	Hoàng Cao	Viên	27-11-1997	NH3A	4.0	Đạt	
68	0810210225	Đỗ Hải	Yến	09/06/2002	KD8E	5.0	Đạt	
69	0900020002	Hoàng Thị	Yến	11/12/1986	LT9A	5.0	Đạt	